TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần hội dồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Võ Văn Dũng

2.Ông Nguyễn Đắc Liệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Minh Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25-7-2019 giữa:

1.Nguyên đơn: ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 999/1 đường 30/4, phường 11, thành phố V, tỉnh B.

2.Bị đơn: bà Hứa Hoài H, sinh năm 1983 (vắng mặt xét xử lần 2 không lý do)

Địa chỉ: 19 Kim Đồng, phường R, thành phố V, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20-3-2019 và quá trình làm việc, nguyên đơn Nguyễn Quốc B trình bày:

Ông B và bà H tự nguyện chung sống với nhau năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố V, tỉnh B. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau dẫn đến cuộc

sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay ông B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với bà Hứa Hoài H

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông B xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày: 27-9-2012. Ông B nhường quyền nuôi con chung cho bà H, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Hứa Hoài H nhiều lần vắng mặt các buổi làm việc, tiếp cận,công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử không lý do.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung : ông B, bà H có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày: 27/9/2012. Ông B đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà H, ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Tài sản chung và nợ chung : hai bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 20-3-2019 ông Nguyễn Quốc B có đơn khởi kiện bà Hứa Hoài H về việc ly hôn. Ông B và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân TP. Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vắng mặt xét xử lần 2 không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Ông B và bà H tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố V, tỉnh B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo ông B cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay ông B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H không đến Tòa để làm việc , không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đã tự tước bỏ quyền lợi của mình . Qua xác minh được biết vợ chồng ông B, bà H có nảy sinh mâu thuẫn nhiều năm nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, sống ly thân đã lâu, không có thiện chí đoàn tụ , hàn gắn gia đình, mỗi người sống cho cá nhân của mình không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do đó cuộc sống vợ chồng không còn ý ng hĩa, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà H là có cơ sở nên chấp nhận.

` [2.2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông B xác định có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày: 27-9-2012. Ông B đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà H. Xét thấy, cháu H đang thực tế sống cùng mẹ, nhằm không để xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

[2.3] Cấp dưỡng nuôi con: ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng nên ghi nhận.

[2.4].Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5].Về án phí : ông B phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự ; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B .

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Quốc B được ly hôn với bà Hứa Hoài H.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày: 27-9-2012. Bà Hứa Hoài H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo H; ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến kho con đủ 18 tuổi. Ông B được quyền lui tới thăm nom chăm sóc con không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi trên số tiền gốc với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4.Về án phí: ông Nguyễn Quốc B phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009281 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vũng Tàu. Ông B đã nộp xong.

Án phí cấp dưỡng định kỳ : ông Nguyễn Quốc B nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPVT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS TPVT;
- TAND tỉnh BRVT;
- UBND phường 11, TP.VT;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG